

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/DS-ST**

Ngày : 06/01/2023

V/v “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

: Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân

: 1. Bà Lê Thị Thu Hương

2. Ông Nguyễn Ngọc Hai

- Thư ký phiên tòa

: Bà Trần Minh Tâm

- là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 779/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - 111A P, phường B, Quận 1, TPH.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 6 Tòa nhà P, số 26 UVK, Phường 25, quận B, TP H.

Đại diện: Ông Võ Văn T - Giấy ủy quyền ngày 18/11/2022 (*có mặt*)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P.

Địa chỉ: 491/123 HVB, Phường 13, quận P, Thành phố H. (*ông D và bà P vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2020 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (có ông Võ Văn T đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 09/4/2018, Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng V) có ký Hợp đồng tín dụng số 0137/HĐTD-656VIB/18 với ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P với nội dung: Ngân hàng V cho ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay mua ô tô 100% nhãn hiệu Nissan Navara, biển số: 51C-989.22, mục đích sử dụng đi lại cá nhân; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 11/4/2018 đến ngày 10/04/2026.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.59%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là Lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 4.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng V tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 4.09%/năm. Phương thức thanh toán: trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 10 với số tiền mỗi tháng phải trả là 5.208.000 đồng, tháng cuối cùng trả 5.240.000 đồng; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 10. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/05/2018.

Ngày 10/4/2018, Ngân hàng V đã giải ngân cho ông D và bà P theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0137/KUNN1-665VIB/18 với số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D và bà P luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Ngân hàng V đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 24/8/2020.

Mặc dù Ngân hàng V luôn đôn đốc khách hàng thanh toán dứt nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện, cố tình kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 08/4/2022, ông D và bà P còn nợ Ngân hàng V số tiền là 544.877.804 đồng, trong đó nợ gốc là 385.419.402 đồng, nợ lãi là 159.458.402 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 09/4/2022 cho đến khi ông D và bà P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- Bị đơn ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng ông D và bà P vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V yêu cầu ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/01/2023 là **594.966.861** (năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi một) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 385.419.402 đồng;

- Nợ lãi là: 209.547.459 đồng

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 06/01/2023 cho đến khi ông D và bà P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng này theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có ký kết Hợp đồng tín dụng đúng như nguyên đơn trình bày. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ngày 09/4/2018, khế ước nhận nợ ngày 10/4/2018, bảng sao kê lịch sử thanh toán nợ, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 385.419.402 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0137/HĐTD-656VIB/18 ngày 09/4/2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào nội dung trong hợp đồng thể hiện số tiền mà Ngân hàng V cho ông D và bà P vay là 500.000.000 (một trăm bảy mươi ba triệu) đồng, thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 14/4/2018 đến ngày 10/04/2026. phương thức trả gốc và trả lãi hàng tháng. Căn cứ vào đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0137/KUNN1-656VIB/18 ngày 10/4/2018 cho thấy: Ngày 10/4/2018, Ngân hàng V đã giải ngân cho bị đơn toàn bộ số tiền vay là 500.000.000 đồng. Căn cứ vào bảng sao kê nợ gốc và lãi đã trả cho thấy, bị đơn đã trả cho Ngân hàng V số nợ gốc là 114.580.598 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là 385.419.402 đồng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ

gốc 385.419.402 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0137/HĐTD-656VIB/18 ngày 09/4/2018 là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi là 209.547.459 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0137/HĐTD-656VIB/18 ngày 09/4/2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại mục 1.4 của Hợp đồng tín dụng ngày 09/4/2018 có quy định về lãi suất, tiền lãi. Ngoài ra, tại mục 6 của đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/4/2018 quy định mức lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất. Như vậy, tiền lãi và lãi suất cho vay đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Tính đến ngày 05/01/2023, số tiền lãi mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 209.547.459 đồng.

- Ngoài ra, lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 06/01/2023 cho đến khi ông D và bà P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng này theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0137/HĐTD-656VIB/18 ngày 09/4/2018.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 27.798.674 (*hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi bốn*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 05/01/2023 là **594.966.861** (*năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi mốt*) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 385.419.402 đồng;

+ Nợ lãi: 209.547.459 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 06/01/2023 cho đến khi bị đơn ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng này theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng số 0137/HĐTD-656VIB/18 ngày 09/4/2018.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đại D và bà Lê Bích P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 27.798.674 (*hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi bốn*) đồng.

- Ngân hàng TMCP Q được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.531.000 (*muời triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019340 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung